

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Hồng Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Mai và ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2022/TLDS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 31/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-DS ngày 25/4/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, TT V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Bà Thân Thị L, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Tr, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/9/2022, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Lê Văn Th trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông có cho bà Thân Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ ở xóm Tr, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vay tiền 02 lần, cụ thể: Lần 1 vào ngày 20/03/2019, ông cho vay 20.000.000 đồng, bà L bảo vay cho mẹ đi viện. Lần 2 vào ngày 20/8/2021, ông tiếp tục cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay, bà L bảo để trả tiền xây nhà cho con gái. Cả 02 khoản vay này, các bên đều thỏa thuận vay không thời hạn và cũng không có lãi. Khi vay, các bên có lập giấy vay tiền, bà L là người viết giấy, sau đó đều ký ghi rõ họ tên của mình.

Đến khoảng đầu năm 2022, do cần tiền nên ông có yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ trên nhưng bà L cố tình lảng tránh, không gặp, không nghe điện thoại của ông.

Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang buộc bà L phải trả cho ông số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử theo mức lãi suất 0.83%/tháng.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 31/3/2023, ông Th có lời khai xin rút yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả ông số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ngoài ra, ông còn trình bày về số tiền ông cho bà L vay là tiền ông đi vay hộ chứ không phải là tiền của ông, ông đã ly hôn từ năm 2014 đến nay sống một mình, không liên quan gì đến ai.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất ngày 03/2/2023 và các lời khai có trong hồ sơ, bị đơn bà Thân Thị L trình bày: Do có quan hệ quen biết tình cảm nên ngày 20/03/2019 bà có vay của ông Th số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để về sửa nhà cho con gái. Khoản vay này, hai bên thỏa thuận vay không thời hạn và không có lãi. Khi vay có lập giấy vay tiền, bà là người viết giấy vay tiền sau đó ký ghi rõ họ tên của mình. Thời gian sau, bà có đi làm công đào giếng cùng ông Th được 2.500.000 đồng nhưng ông Th không trả cho bà mà bảo trừ vào khoản vay 20.000.000 đồng bà vay ông ở trên. Ngoài ra, trong thời gian quen biết ông Th, bà có thời gian bỏ công sức chăm sóc ông Th khi ốm đau lúc thì ở nhà, lúc thì ở viện.

Nay ông Th khởi kiện đòi bà phải trả số tiền nợ gốc 2 lần tổng cộng là 40.000.00 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh bà không đồng ý vì bà chỉ vay 1 lần 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 20/3/2019 như bà đã trình bày ở trên. Còn giấy vay ngày 20/8/2021, là do ông Th bảo với bà là ông làm mất giấy ngày 20/3/2019 nên bà viết lại giấy cho ông ấy. Trên thực tế, bà không vay ông Th vào ngày 20/8/2021.

Do bà chỉ vay 20.000.000 đồng vào ngày 20/3/2019 và ông Th phải trừ số tiền công bà đi đào giếng cũng như tiền công bà chăm sóc cho ông Th khi ông ốm đau còn bao nhiêu bà sẽ trả.

Trong các ngày 03/2/2023 và 03/3/2023, Tòa án đã tiến hành đối chất và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang buộc bà L phải trả cho ông số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng.

Bị đơn bà Thân Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, có lý do và bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đã thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th: Buộc bà Thân Thị L phải trả cho ông Lê Văn Th tổng số tiền gốc vay còn nợ là 40.000.000 đồng.

- Về án phí: Bà Thân Thị L được miễn tiền án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt... nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ vay tài sản (tiền) giữa ông Th và bà L là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân. Các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Trong thời gian tháng 3 năm 2019 và tháng 8 năm 2021, ông Th và bà L đã có 02 lần thực hiện việc vay tài sản (tiền) với nhau tổng số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Khi vay, các bên đều lập giấy biên nhận vay tiền, trực tiếp giao nhận với nhau. Trong các giấy vay tiền đều ghi rõ là vay không thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. Khoảng đầu năm 2022, do cần tiền nên ông Th có yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ trên nhưng bà L cố tình lảng tránh, không gặp, không nghe điện thoại của ông.

Ngày 25/11/2022, ông Th nộp đơn khởi kiện, yêu cầu bà L phải thanh toán trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. HĐXX thấy đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Trước ngày mở phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất phát sinh trên nợ gốc là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên yêu cầu khởi kiện được Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

- Về số tiền gốc: Qua lời khai thừa nhận có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, HĐXX xác định: Bà L đã vay tiền của ông Th 2 lần, cụ thể: lần 1 vào

ngày 20/03/2019 bà L vay số tiền 20.000.000 đồng; lần 2 vào ngày 20/8/2021 bà L vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay, các bên có lập giấy vay tiền thỏa thuận các khoản vay không thời hạn và không có lãi; bà L là người viết giấy vay tiền, sau đó ký ghi rõ họ tên của mình. Như vậy, giữa ông Th và bà L đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo diễn biến quá trình giải quyết vụ án bà L khai rằng, bà chỉ vay 1 lần 20.000.000 đồng theo giấy vay ngày 20/3/2019. Còn giấy vay ngày 20/8/2021 là ông Th bảo với bà là ông làm mất giấy ngày 20/3/2019 nên bà viết lại giấy cho ông ấy. Trên thực tế, bà không vay tiền ông Th vào ngày 20/8/2021. Ngoài ra, bà yêu cầu ông Th phải trừ số tiền công bà đi đào giếng thuê cho ông được 2.500.000 đồng mà ông Th chưa trả cho bà và tiền công bà chăm sóc ông Th lúc ốm đau.

HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà đã được Tòa án giải thích cũng như ấn định thời hạn nộp đơn yêu cầu phản tố, giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà đi làm công đào giếng thuê cho ông Th được 2.500.000 đồng mà ông Th chưa thanh toán cho bà; các tài liệu chứng cứ chứng minh tiền công bà chăm sóc khi ông Th ốm đau, chi phí mà bà phải bỏ ra khi chăm sóc ông Th nhưng hết thời hạn bà không nộp, không cung cấp thì bà phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ngoài lời khai của bà L thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh về việc bà yêu cầu là có căn cứ để HĐXX xem xét chấp nhận. Sau này, bà chứng minh được bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải trả cho ông Th số tiền gốc vay còn nợ là 40.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà L là hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 186, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án, **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- ông Lê Văn Th.

Buộc bà Thân Thị L phải trả ông Lê Văn Th số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng chẵn).

2. Về án phí: Bà Thân Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Hồng Giang